Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4106.32.00

Mã HS	4106.32.00
Mô tả hàng hóa	Da thuộc hoặc da mộc của các loài động vật khác, không có lông, đã hoặc chưa xẻ, nhưng chưa được gia công thêm / - Của lợn: / - - Ở dạng khô (mộc)
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	11/11/2026 20:53:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/41063200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6644
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6644
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6644
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ6644
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6446
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6401
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6401
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6401
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6401
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6401
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6401
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6451
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6451

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6451
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6451
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6451
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6451
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6449
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6449
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6449
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6449
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6449
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6449
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6453
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6407
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6409
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6409
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6409
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6409
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6409
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6409
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6429
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6429
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6429
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6429
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6429
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6429
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6482
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6482
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6482
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6482
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6482
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6464
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6464
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6464
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6464
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6464
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6464
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6472
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6472
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6472
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6472
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6472
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6472
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6465
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6465
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6465
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6465
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6465
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6465
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6467
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6467
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6467
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6467

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6467
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6467
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6431
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6431
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6431
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6431
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6431
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6431
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6431
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6464
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6464
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6464
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6464
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6464
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6464
RCEP B	2022	2022	0	B!D6464
RCEP B	2023	2023	0	B!E6464
RCEP B	2024	2024	0	B!F6464
RCEP B	2025	2025	0	B!G6464
RCEP B	2026	2026	0	B!H6464
RCEP B	2027	2027	0	B!I6464
RCEP C	2022	2022	0	C!D6464
RCEP C	2023	2023	0	C!E6464
RCEP C	2024	2024	0	C!F6464
RCEP C	2025	2025	0	C!G6464
RCEP C	2026	2026	0	C!H6464

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6464
RCEP D	2022	2022	0	D!D6464
RCEP D	2023	2023	0	D!E6464
RCEP D	2024	2024	0	D!F6464
RCEP D	2025	2025	0	D!G6464
RCEP D	2026	2026	0	D!H6464
RCEP D	2027	2027	0	D!I6464
RCEP E	2022	2022	0	E!D6467
RCEP E	2023	2023	0	E!E6467
RCEP E	2024	2024	0	E!F6467
RCEP E	2025	2025	0	E!G6467
RCEP E	2026	2026	0	E!H6467
RCEP E	2027	2027	0	E!I6467
RCEP F	2022	2022	0	F!D6464
RCEP F	2023	2023	0	F!E6464
RCEP F	2024	2024	0	F!F6464
RCEP F	2025	2025	0	F!G6464
RCEP F	2026	2026	0	F!H6464
RCEP F	2027	2027	0	F!I6464
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5974
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5974
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5974
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5974

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4106.32.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4106.32.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6644), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.